

Bản án số: **03/2019/DS-PT**

Ngày: 11-01-2019

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán:

Ông Mai Xuân Thành

Ông Đặng Kim Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2018/TLPT-DS ngày 14-12-2018 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2019/QĐ-PT ngày 02-01-2019, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị C**; Địa chỉ: số 20/15 đường A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thị N (Văn bản ủy quyền ngày 22-11-2016). Có mặt.

*** *Bị đơn:*** Anh **Lê Bá C1**; Địa chỉ: số 22/15 đường A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị **Ngô Thị B**, địa chỉ: Thôn H5, xã P2, huyện P3, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị **Ngô Thị N**; địa chỉ: Thôn Đ2, xã L4, huyện P4, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Chị **Ngô Thị L**; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; đã

có văn bản ủy quyền cho bà Ngô Thị N vào ngày 12-12-2016. Có mặt.

- Anh **Ngô Văn Đ**, chị **Ngô Thị N1**, chị **Ngô Thị L1**; đều trú tại: Tổ 15, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Anh **Ngô Văn Quốc P**, địa chỉ: số 20/15 đường A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Chị **Lê Thị H2**, địa chỉ: số 4/15 đường A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

- Chị **Lê Thị S**, địa chỉ: số 112 đường B1, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Chị **Lê Thị Mỹ D**; địa chỉ: số 5/44 đường P1, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

- Chị **Ngô Thị H3**; địa chỉ: số 22/15 đường A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ: Phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông **Nguyễn Văn Th**; Địa chỉ: 16/15 Đường A, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung án sơ thẩm như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, đại diện cho nguyên đơn chị Ngô Thị N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn trình bày:

Ông Ngô Đ1 (chết năm 2008) và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng, có thừa hưởng từ cha mẹ của ông Đ1 tài sản là nhà và đất. Ngày 14/10/1990, nhà và đất trên được Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số A101300, đứng tên Ngô Đ1 với diện tích là 235m², số thửa 65B, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường T, thị xã H (trước đây là thành phố H1). Quá trình sinh sống trên thửa đất gia đình cha mẹ bà N cùng các anh em bà N sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Liên kề với thửa đất của gia đình ông Đ1, bà C là thửa đất của bà Ngô Thị R. Bà R được Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/10/1990 với số thửa 65A, tờ bản đồ số 3, diện tích 235m, tọa lạc tại phường T, thị xã H (trước đây là thành phố H1). Bà R chết năm 2015. Hiện tại thửa đất này do vợ chồng con trai bà R là anh Lê Bá C1, chị Ngô Thị H3 quản lý sử dụng.

Thực tế, giữa 02 thửa đất 65A và 65B không có ranh giới rõ ràng, muốn đi vào nhà của hai gia đình này phải đi qua lối đi chung và sân chung. Hiện tại gia đình bà C chỉ sử dụng 170m² còn thiếu 65m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà C và những người tham gia tố tụng với bên nguyên đơn yêu cầu anh Lê Bá C1 trả lại 65m² diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Đ1. Về lối đi thì phía bà C và các con của bà C tự mở trong phạm vi đất được cấp.

Bị đơn anh Lê Bá C1 trình bày như sau: Nguồn gốc thửa đất trước đây của ông bà ngoại của anh C1 là ông Ngô Văn Tr, bà Lê Thị R1. Ông bà ngoại anh C1 lúc sinh thời cho ông Ngô Đ1 mượn một phần đất để xây nhà ở trên đó. Sau đó đã giao toàn bộ quyền sử dụng đất còn lại của mình cho hai con trai là ông Ngô Văn M và ông Ngô Văn K. Phần đất của ông Ngô Văn M nhận từ ông bà ngoại anh C1, ông M đã cho mẹ anh C1 là bà Ngô Thị R ở nhờ từ năm 1963 và bà R có xây một ngôi nhà để ở cùng với các con. Năm 1986, ông Ngô Văn M và các con của ông M đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho vợ chồng anh C1. Năm 1970, ông K làm nhà trên đất của ông. Năm 1981, ông K chết. Năm 1986, các con ông K bán nhà và đất cho anh Ngô Hữu H4. Năm 1988, anh H4 bán nhà và đất cho vợ chồng anh C1. Năm 1990, thửa đất anh C1 đang quản lý sử dụng được Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ký hiệu số thửa 65B, tờ bản đồ số 3 với diện tích 235m² đứng tên bà Ngô Thị R. Vợ chồng anh C1 đã sử dụng ổn định từ trước đến nay. Anh C1 không chấp nhận yêu cầu đòi 65m² đất của gia đình bà C và đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh C1.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H2, chị Lê Thị S, chị Lê Thị Mỹ D trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của gia đình bà C về việc đòi 65m² đất. Đồng thời yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố H1 đã cấp cho ông Ngô Đ1 và bà Ngô Thị R nói trên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Các anh, chị Ngô Thị B, Ngô Thị N, Ngô Thị L, Ngô Văn Đ, Ngô Thị L1, Ngô Văn Quốc P đều nhất trí như ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã H thông qua người đại diện trình bày: Thửa đất gia đình bà Ngô Thị R đang sử dụng có số thửa 65 A, tờ bản đồ số 3, diện tích 235 m² được ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị R ngày 14-10-1990. Thửa đất gia đình ông Ngô Đ1 đang sử dụng có số thửa 65B, tờ bản đồ số 3, diện tích 235m² được Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Đ1

ngày 14-10-1990. Tuy nhiên, hình thể trên 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị R và ông Ngô Đ1 có sự sai sót. Về diện tích của mỗi chủ sử dụng đất đều có diện tích là 235m².

Qua kiểm tra hồ sơ, hai thửa đất này theo bản đồ giải thửa 299/TTg được lập năm 1990 được đo thành 01 thửa đất số T65 với diện tích 532m². Theo bản đồ địa chính thành lập năm 2004 thì 02 thửa đất này đo chung thành 01 thửa đất số 89, tờ bản đồ số 21 với diện tích 509,2m².

Việc cấp giấy chứng nhận cho bà Ngô Thị R và ông Ngô Đ1 vào năm 1990 được thực hiện theo Quyết định 201/QĐ-ĐKTK ngày 14-7-1989 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào ngày 22-3-2018 Hội đồng định giá tài sản đã đo vẽ và xác định giá trị tài sản và giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp như sau: Diện tích hai thửa đất là 516,4m², giá thị trường 3.250.000 đồng/m² đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ vào các điều 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C: Buộc vợ chồng ông Lê Bá C1 và bà Ngô Thị H3 phải tháo dỡ phần chuồng trại chăn nuôi để trả lại diện tích đất 64,4m² cho bà Nguyễn Thị C và các con của bà C gồm: Bà Ngô Thị L, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị N1, bà Ngô Thị L1, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn Quốc P (Có bản vẽ kèm theo).

Về lỗi đi: Chấp nhận việc bà N người đại diện theo ủy quyền của bà C và các người con của bà C, ông Đ1 tự nguyện mở lối đi phù hợp với khuôn viên thửa đất đang sử dụng.

2. Chấp nhận việc bà N người đại diện theo ủy quyền của bà C và các người con của bà C, ông Đ1 thỏa thuận tự nguyện hỗ trợ cho vợ chồng ông C1, bà H3 số tiền 3.000.000 đồng để tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các bà Lê Thị H2, bà Lê Thị S, bà Lê Thị Mỹ D về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Đ1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị R.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí giám định, án phí và

quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14-9-2018, bị đơn anh Lê Bá C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đ1 diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Bá C1. Giữ nguyên quyết định bản án số 10/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H2, chị Lê Thị Mỹ D, chị Ngô Thị H3 và đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã H đều có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc nhà, đất tranh chấp số 65A, 65B, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường T, thị xã H (trước đây là thành phố H1), tỉnh Thừa Thiên Huế là của tổ tiên để lại cho cụ Ngô Văn Tr và cụ Lê Thị R1. Vợ chồng cụ Tr, cụ R1 có 03 con, gồm: Ông Ngô Văn M, bà Ngô Thị R và Ngô Văn K và cụ Tr, cụ R1 cũng chính là bố mẹ chồng của bà Nguyễn Thị C và là ông bà ngoại của anh Lê Bá C1. Cụ Tr, cụ R1 chết không để lại di chúc và nhà, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ giải thửa lập năm 1990, thửa đất 65A, 65B thuộc cùng 01 mảnh đất T65 với diện tích 532m². Bản đồ địa chính năm 2004 thể hiện 02 thửa đất trên vẫn thuộc cùng 01 mảnh đất số T 89, tờ bản đồ số 21, diện tích 509,2m². Ngày 14-10-1990, bà R và ông Ngô Đ1 được UBND thành phố H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần lượt số A101301, A101300 đối với các thửa đất 65A, 65B, cùng diện tích là 235 m². Như vậy, tổng diện tích đất cấp cho bà R (mẹ của anh C1) và cấp cho ông Ngô Đ1 (chồng trước của bà C) là 470 m². Tuy nhiên, Hội đồng định giá tài sản đo đạc ngày 22-3-2018 thì diện tích thửa 65A, 65B là 516,4 m² và không có ranh giới rõ ràng giữa 02 lô đất, tài sản trên đất. Bà C cho rằng bà và chồng bà là ông Ngô Đ1 được thừa hưởng nhà, đất của cha mẹ và đã được cấp GCNQSDĐ. Thực tế gia đình bà C mới chỉ sử dụng 170 m² còn thiếu 65 m². Còn anh C1 không thừa nhận lời trình bày của bà C.

[2.2] Theo Văn bản ngày 25-10-2017 và tại phiên tòa anh C1 cho rằng, cụ Tr, cụ R1 để lại toàn bộ đất của mình cho 02 con trai là ông M, ông K mỗi người ½ diện

tích đất. Phần đất của ông M đã cho bà R ở nhờ từ 1963 và bà R xây dựng nhà ở cùng các con. Sau đó, các con ông M là anh Ngô Văn L2, anh Ngô Văn L3, anh Ngô Văn Q, anh Ngô Văn C2, anh Ngô Văn Q1 viết giấy bán nhà cho vợ chồng anh C1, chị H3 vào năm 1988. Còn ông K xây dựng nhà vào năm 1970, sau đó chết năm 1981. Các con ông K cần vốn làm ăn nên ủy quyền cho anh Ngô Hữu H4 bán ngôi nhà cho anh C1, chị H3 năm 1986 và anh C1, chị H3 đã sử dụng từ đó cho đến nay.

Lời trình bày của anh C1 là không có cơ sở. Bởi lẽ, giấy mua bán nhà giữa anh C1, chị H3 và các con của ông M, ông K không ghi diện tích đất là bao nhiêu, hai bên chỉ ghi mua bán nhà và không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không xác định được thời điểm thực sự mua bán nhà vào thời gian nào. Mặt khác, lời khai của anh C1 mâu thuẫn nhau khi cho rằng “ông Ngô Đ1 có 01 ngôi nhà ở nhờ (không được phép coi nơi và xây dựng gì thêm), hộ ông Đ1 thấy chật chội nên vào năm 1982 đã đăng ký giãn dân vào lãng T1 đường P1 và được UBND cấp cho mảnh đất để làm nhà ở và sinh sống”, trong khi lại khai rằng anh C1 mua nhà của các con ông M năm 1988, của con ông K năm 1986. Như vậy, trước năm 1982 tức là trước khi anh C1 mua nhà thì ông Ngô Đ1 được sự cho phép của cụ Tr cụ R1 xây nhà ở, diện tích nhà chính 85 m², nhà bếp 25,84 m² nhưng không hề có ý kiến ông Ngô Đ1 trong giấy mua bán nhà là không đúng pháp luật. Ông Ngô Đ1 mất 2008, bà R mất 2015 nhưng không ai có ý kiến hay đơn từ khiếu nại gì về nhà, đất. Đồng thời, anh C1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh hợp pháp việc ông Ngô Đ1 ở nhờ trên đất tranh chấp nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Việc UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ cho ông Ngô Đ1 và bà Ngô Thị R căn cứ vào bản kê khai đăng ký ruộng đất của ông Ngô Đ1 và bà R số 5b ngày 28-12-1992 có xác nhận và được lưu giữ tại xã T (BL 117) là đúng theo quy định của Luật đất đai. Nay UBND đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật, khi bản án có hiệu lực pháp luật, UBND sẽ điều chỉnh cấp lại GCNQSDĐ cho 02 gia đình phù hợp quy định Luật đất đai và phù hợp diện tích đất các bên được quyền sử dụng. Ngoài ra, chị H2, chị S, chị D đề nghị hủy 02 GCNQSDĐ mang tên Ngô Đ1 và bà R để cấp lại giấy mới, tuy nhiên như đã phân tích phần trên việc cấp GCNQSDĐ là đúng nên không cần thiết phải hủy.

[2.4] Ngoài ra, cấp sơ thẩm phân tích, đánh giá việc anh C1 đang sử dụng 335,8m² so với GCNQSDĐ được cấp 1990 là dư 100,8m². Còn bà C đang sử dụng 170,6m² đất thiếu so với GCNQSDĐ được cấp là 64,4m² nên buộc anh C1 phải tháo dỡ phần chuồng trại cần nuôi để trả 64,4m² đất cho bà C và các con bà C, ông Đ1 đủ diện tích 235m² đất. Đồng thời, chị N tự nguyện hỗ trợ cho anh C1, chị H3 số tiền 3.000.000 đồng để tháo dỡ phần chuồng trại chăn nuôi và tự nguyện mở lối đi riêng phù hợp với khuôn viên đất đang sử dụng là đúng pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lê Bá C1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Bá C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Bá C1. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 điều 136 Luật đất đai năm 2003. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc vợ chồng anh Lê Bá C1 và chị Ngô Thị H3 phải tháo dỡ phần chuồng trại chăn nuôi để trả lại diện tích đất 64,4m² cho bà Nguyễn Thị C và các con của bà C gồm: Chị Ngô Thị L, anh Ngô Văn Đ, chị Ngô Thị N1, chị Ngô Thị L1, chị Ngô Thị N, anh Ngô Văn Quốc P (Có bản vẽ kèm theo).

Về lối đi: Chấp nhận việc Chị Ngô Thị N người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C và các người con của bà C, ông Đ1 tự nguyện mở lối đi phù hợp với khuôn viên thửa đất đang sử dụng.

Công nhận việc chị Ngô Thị N người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C và các người con của bà C, ông Ngô Đ1 thỏa thuận tự nguyện hỗ trợ cho vợ chồng anh Lê Bá C1, bà Ngô Thị H3 số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) để tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H2, chị Lê Thị S, chị Lê Thị Mỹ D về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Đ1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị R.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Anh Lê Bá C1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 005466 ngày 21-9-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Lê Bá C1 đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 11-01-2019./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thúy Cầu